

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 01

CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Mã nhận dạng : 001548

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1 <i>N.N. Châu</i> N.N. Châu	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1 <i>N.N. Châu</i> N.N. Châu	G. Viên chấm thi 2
---	------------------	---	--------------------

Số SV có mặt: 56
Số bài thi: 56
Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240002	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI	25/12/1999	CCQ2024A				52	44	96	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120240004	NGUYỄN QUỐC DUY	10/03/2001	CCQ2024A				48	44	92	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2119240205	LÊ TRẦN LINH ĐAN	13/03/2001	CCQ1924H				36	39	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120240232	NGUYỄN THỊ HOÀI GIANG	16/10/1999	CCQ2024H				43	36	79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120240034	VÕ BÍCH GIÀU	25/07/2002	CCQ2024B				39	33	72	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2119240092	TRẦN LÊ NHẬT HÀ	22/12/2001	CCQ1924D				42	33	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120240233	NGUYỄN THỊ HẠNH	04/12/1999	CCQ2024H				41	34	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120240005	DƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	06/02/2002	CCQ2024A				43	39	82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120240036	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	13/10/2002	CCQ2024B				43	35	78	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120240037	HỒ THỊ THU HIỀN	26/01/2002	CCQ2024B				39	34	73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120240038	NGUYỄN THỊ NGỌC HIẾU	27/12/1998	CCQ2024B				47	38	85	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120240039	NGUYỄN THỊ HOÀI HUỖN	26/04/2000	CCQ2024B				39	35	74	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120240040	NGUYỄN THỊ HUỖN	16/06/2001	CCQ2024B				46	36	82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120240041	TRẦN THỊ THÚY HUỖN	02/01/2002	CCQ2024B				39	35	74	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120240042	BÙI THỊ NGỌC HUƠNG	30/06/2002	CCQ2024B				39	36	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120240043	NGUYỄN DƯƠNG KHANG	01/07/2000	CCQ2024B				48	42	90	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120240044	LÊ KHÁ KỶ	01/08/2001	CCQ2024B				38	37	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120240046	VÕ THỊ KIM LÂN	09/02/2002	CCQ2024B				39	29	68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120240047	NGUYỄN THÙY LINH	01/05/2002	CCQ2024B				39	36	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120240006	HOÀNG TRÚC LY	23/10/2002	CCQ2024A				40	35	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Ngọc Châu (240016)**

Cán bộ coi thi 1 <i>Ngochal</i> N.N. Châu	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Ngochal</i> N.N. Châu	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

Số SV có mặt: 56
Số bài thi: 56
Số tờ giấy thi: 56

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.OT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đảm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đảm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119240179	NGUYỄN THỊ TRÀ	03/12/2001	CCQ1924G				42	35	77	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)
22	2120240007	HUỖNH THỊ NGỌC	08/09/2002	CCQ2024A				46	40	86	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(7)(8)(9)
23	2120240008	LÊ THỊ KIM	14/08/1998	CCQ2024A				46	41	87	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)
24	2119240098	LÊ TRÚC	18/01/2001	CCQ1924D				50	42	92	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
25	2120240009	NGUYỄN THỊ TUYẾT	14/05/2002	CCQ2024A				38	31	69	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
26	2120240010	VŨ MINH	24/02/2001	CCQ2024A				15	35	50	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
27	2120240012	ĐỖ THỊ	04/12/2001	CCQ2024A				43	32	75	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
28	2120240011	NGUYỄN THỊ THẠCH	29/07/1999	CCQ2024A				43	39	82	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
29	2120240205	CHÂU YẾN	06/11/2002	CCQ2024B				48	41	89	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
30	2120240013	NGUYỄN VŨ BẢO	08/09/2001	CCQ2024A				47	42	89	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
31	2120240206	VŨ THỊ MINH	14/10/2002	CCQ2024B				49	40	89	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
32	2120240014	HÀ ÁI	24/09/2001	CCQ2024A				47	40	87	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)
33	2120240049	LÊ THỊ KIM	16/07/2002	CCQ2024B				41	32	73	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
34	2120240015	PHẠM THỊ KIM	03/02/2001	CCQ2024A				42	32	74	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
35	2120240207	PHAN THỊ KIỀU	06/04/2002	CCQ2024B				52	44	96	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
36	2120240050	NGUYỄN THỊ BÍCH	01/01/2001	CCQ2024B				39	36	75	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
37	2120240016	NGUYỄN THỊ THANH	01/07/2002	CCQ2024A				39	31	70	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
38	2120240017	VŨ THỊ ÁI	09/10/2002	CCQ2024A				44	38	82	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
39	2120240018	TRƯƠNG NGỌC	01/01/1998	CCQ2024A				39	39	78	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
40	2119240189	PHAN VÂN	07/10/2001	CCQ1924G				41	36	77	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(8)(9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (224330) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Ngọc Châu (240016)**

Số SV có mặt: **56**
Số bài thi: **56**
Số tờ giấy thi: **56**

Cán bộ coi thi 1  N.N. Châu	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1  N.N. Châu	G. Viên chấm thi 2
--	------------------	--	--------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120240051	TRẦN VĂN TÂM	14/05/2001	CCQ2024B				45	41	86	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2120240019	NGUYỄN MINH TÂN	15/09/2002	CCQ2024A				43	38	81	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	2120240020	HÀU THỊ DIỆU	07/12/2002	CCQ2024A				44	35	79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	2120240021	HỒ THỊ KIM THÁNH	01/10/2002	CCQ2024A				38	30	68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	2120240023	TRẦN THỊ THU THẢO	16/09/2002	CCQ2024A				39	36	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	2120240022	VÕ THỊ NGỌC THẢO	02/12/2002	CCQ2024A				39	36	75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	2120240052	ĐỖ THỊ HỒNG THÁM	29/07/2002	CCQ2024B				39	38	77	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	2120240053	CAO THỊ ANH THỨ	19/02/2002	CCQ2024B				41	36	77	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	2120240054	ĐỖ TRẦN ANH THỨ	22/01/2001	CCQ2024B				33	35	68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	2120240024	NGUYỄN THỊ MINH THỨ	29/10/2001	CCQ2024A				46	39	85	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	2120240025	NGUYỄN THỊ MINH THỨ	30/10/2001	CCQ2024A							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
52	2120240026	DƯƠNG QUÝ THY	12/02/2002	CCQ2024A				38	29	67	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	2120240220	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	07/01/2002	CCQ2024F				41	37	78	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	2120240252	TRẦN QUỲNH BẢO TRẦN	09/10/2002	CCQ2024H				36	33	69	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
55	2120240055	NGUYỄN LÊ NHẢ TRÚC	06/03/2002	CCQ2024B				42	36	78	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	2120240057	TRẦN THỊ DIỆU VI	30/11/2002	CCQ2024B				40	32	72	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	2120240030	ĐẶNG THỊ KIM XUÂN	07/04/2002	CCQ2024A				42	39	81	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)